

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 16-12-2020  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Minh Luân**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Minh Trọn**

2. Bà **Phạm Hồng Ân**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Văn Thị Vẹn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 387/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Kim P** (Lâm Kim P), sinh năm: 1972; (Lâm Kim T, sinh năm 1973) (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã C, huyện P, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Ông **Quách Hoàng P**, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã C, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Lâm Kim P trình bày:*

Bà Lâm Kim P và ông Quách Hoàng P thành hôn với nhau năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, bà P và ông P sống ly thân năm 2011 đến nay. Bà P xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với ông P. Bà P và ông P có 01 con chung là Quách Duy A, sinh năm 1999, hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét. Tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với ông Quách Hoàng P nhưng ông P vắng mặt và không gửi văn bản

nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Quách Hoàng P có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Lâm Kim P khởi kiện xin ly hôn với ông P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Quách Hoàng P nhưng ông P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Lâm Kim P và ông Quách Hoàng P thành hôn với nhau năm 1998, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C. Được thể hiện tại Trích lục kết hôn (bản sao) số 17/TLKH-BS, ngày 04/12/2020 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh C cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Kim P và ông Quách Hoàng P được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn bà P trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, bà P và ông P sống ly thân năm 2011 đến nay. Bị đơn ông P không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và phía nguyên đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ chấp nhận đây là nguyên nhân mâu thuẫn để xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà P vẫn giữ ý yêu cầu xin ly hôn với ông P và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn với ông P. Đồng thời khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P với ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà P và ông P có 01 con chung là Quách Duy A, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Kim P, (Lâm Kim P, Lâm Kim T), bà P được ly hôn với ông Quách Hoàng P.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Lâm Kim P phải chịu 300.000 đồng. Bà P có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011754 ngày 24/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh C được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Minh Luân**